

Cần Thơ, ngày 30 tháng 9 năm 2024

CÔNG KHAI THU, CHI TÀI CHÍNH VÀ CÁC KHOẢN THU

ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

Theo Điều 5 Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024

Năm học 2024–2025

(Kèm theo Quyết định số Số:186/QĐ-QTHB
Ngày 30/9/2024)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập áp dụng đối với năm học 2024–2025;

Căn cứ Công văn số 3188/SGDĐT-QLCL ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ về việc hướng dẫn thực hiện quy định về công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT;

Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Quốc tế Hòa Bình công khai thu, chi tài chính và các khoản thu đối với người học năm học 2024–2025 như sau:

I. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM TÀI CHÍNH 2023

1. Cơ cấu các khoản thu

Nguồn thu	Giáo dục và đào tạo	Hoạt động khác	Tổng cộng (đồng)
Ngân sách nhà nước			
Hỗ trợ của nhà đầu tư			
Học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học	17.556.117.592	0	17.556.117.592
Tài trợ và hợp đồng với bên ngoài			
Nguồn thu khác	39.756.397		39.756.397
Tổng cộng	17.595.873.989	0	17.595.873.989

2. Cơ cấu các khoản chi

Nhóm chi	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Chi tiền lương và thu nhập	6.847.019.915	54%	

Nhóm chi	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	4.973.760.195	39%	
Chi hỗ trợ người học	0	0	
Chi khác	793.841.034	6%	
Tổng cộng	12.614.621.144	100%	

3. Kết quả thực hiện chính sách đối với người học

Chính sách	Số người học	Tổng số tiền (đồng)	Ghi chú
Trợ cấp	244	650.400.000	Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về chính sách hỗ trợ học phí năm học 2022 – 2023
Miễn, giảm học phí	100	419.078.500	Giảm học phí Anh/ Chị/ Em ruột, chính sách ưu đãi học phí nguyên năm hoặc theo học kỳ
Học bổng	2	21.700.000	Học bổng năm học 2023-2024
Hỗ trợ khác	0	0	0

4. Số dư các quỹ

Tên quỹ	Số dư đầu năm (đồng)	Phát sinh trong năm (đồng)	Số dư cuối năm (đồng)
Quỹ phát triển hoạt động	0	0	0
Quỹ khen thưởng	0	0	0
Quỹ phúc lợi	0	0	0
Quỹ khác/quỹ đặc thù (nếu có)	0	0	0

Tên quỹ	Số dư đầu năm (đồng)	Phát sinh trong năm (đồng)	Số dư cuối năm (đồng)
Tổng cộng	0	0	0

II. CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU NĂM HỌC 2024–2025

1. Các khoản thu đầu năm

Khoản thu	Đối tượng/mức thu	Tính chất và ghi chú
Phí giữ chỗ	1.000.000 đồng/học sinh	Được căn trừ vào các khoản phí đầu năm. Việc hoàn hoặc không hoàn thực hiện theo thỏa thuận tuyển sinh đã công bố.
Phí cơ sở vật chất	Học sinh mới: 2.500.000 đồng/học sinh/năm	Thu 01 lần trong năm học.
Phí cơ sở vật chất	Học sinh đang học tại trường: 2.000.000 đồng/học sinh/năm	Thu 01 lần trong năm học.
Hoạt động giáo dục kỹ năng/bổ trợ Leader in Me	3.000.000 đồng/học sinh/năm	Không xác định là chương trình giáo dục nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp.
Hoạt động trải nghiệm trong và ngoài trường (bắt buộc)	2.500.000 đồng/học sinh/năm	Mức thu chính thức phải được phê duyệt và công khai trước khi thu.
Phí kiểm tra đầu vào (nếu có)		Chỉ thu khi có tổ chức kiểm tra và đã thông báo mức thu.

2. Học phí chính khóa

Cấp/lớp	Mức thu/tháng (đồng)	Số tháng thu	Mức thu cả năm (đồng)
Tiểu học			40.000.000
THCS			50.000.000
Lớp 10–11			62.000.000
Lớp 12			80.500.000

Học phí được thu theo tháng; trường hợp cha mẹ học sinh/người học tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho học kỳ hoặc cả năm học. Tổng thời gian thu học phí giáo dục phổ thông không vượt quá 09 tháng trong năm học 2024–2025.

Học phí được xác định theo kế hoạch giáo dục của năm học, không tính riêng theo số ngày nghỉ cuối tuần, lễ, Tết. Việc hoàn học phí trong các trường hợp đặc biệt thực hiện theo Mục VI của thông báo này.

Học phí bao gồm:

- Chương trình giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Tiếng Anh tăng cường/định hướng IELTS và Ngoại ngữ 2 (Tiếng Hàn) theo kế hoạch giáo dục của nhà trường; không xác định là chương trình giáo dục nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp.
- Các hoạt động phát triển năng khiếu, tài năng PEACE theo kế hoạch giáo dục.

3. Mức thu dự kiến cho các năm học tiếp theo

Cấp/lớp	Năm học 2025–2026	Năm học 2026–2027	Căn cứ phê duyệt/ghi chú
Tiểu học	42.000.0000	45.000.000	Theo biểu phí năm học ban hành
THCS	53.000.000	56.000.000	Theo biểu phí năm học ban hành
Lớp 10–11	65.000.000	68.000.000	Theo biểu phí năm học ban hành
Lớp 12	73.500.000	78.475.000	Theo biểu phí năm học ban hành

4. Phí ăn uống

Cấp học	Ăn sáng	Ăn trưa	Ăn xế	Ăn chiều
Tiểu học	24.000	33.000	22.000	33.000
Trung học	28.000	35.000	25.000	33.000

Đơn vị tính: đồng/suất. Phí ăn được tính theo số ngày và số suất ăn đã đăng ký trong tháng.

5. Phí đồng phục

Sản phẩm	Size 1–4	Size 5–7	Size 8 trở lên
Áo đồng phục chính khóa	165.000	190.000	220.000
Quần/quần váy chính khóa	220.000	245.000	270.000
Áo đồng phục thể dục	150.000	165.000	175.000
Quần thể dục	180.000	210.000	220.000
Ba lô	400.000	400.000	400.000

Đơn vị tính: đồng/sản phẩm.

6. Các dịch vụ và khoản thu khác

Khoản thu/dịch vụ	Mức thu	Nguyên tắc áp dụng
Nội trú	3.000.000 đồng/học sinh/tháng	Theo nhu cầu đăng ký; gồm lưu trú, sinh hoạt, hướng dẫn học bài buổi tối, giặt ủi và quản lý học sinh. Không gồm ăn chiều và ăn cuối tuần.
Xe đưa đón (nếu có)	Theo đơn giá taxi ban hành (theo hợp đồng ký kết)	Chỉ thu theo tuyến/phương án đã thông báo và có đăng ký sử dụng.
Bảo hiểm y tế	884.520 đồng/học sinh/năm	Theo mức do cơ quan bảo hiểm xã hội thông báo và quy định hiện hành.
Giáo trình tiếng Anh	451.000 đồng/bộ - 360.000 đồng/ bộ - 426.000 đồng/ quyền	Theo cấp độ/tài liệu thực tế; công khai danh mục và đơn giá trước khi thu.

7. Tổng chi phí bắt buộc dự kiến

Cấp/lớp	Học sinh mới (đồng/năm)	Học sinh đang học (đồng/năm)	Ghi chú
Tiểu học	50.000.000	50.000.000	Chưa gồm tiền ăn, đồng phục và dịch vụ tự nguyện.
THCS	61.300.000	61.300.000	Chưa gồm tiền ăn, đồng phục và dịch vụ tự nguyện.
Lớp 10–11	73.300.000	73.300.000	Chưa gồm tiền ăn, đồng phục và dịch vụ tự nguyện.
Lớp 12	78.800.000	78.800.000	Chưa gồm tiền ăn, đồng phục và dịch vụ tự nguyện.

III. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỌC BỔNG VÀ HỖ TRỢ

1. Ưu đãi anh/chị/em ruột

- Học sinh thứ hai: giảm 5% học phí; học sinh thứ ba: giảm 10%; học sinh thứ tư trở đi: giảm 15%.
- Khi đồng thời đủ điều kiện hưởng nhiều chương trình ưu đãi, phụ huynh lựa chọn một chương trình có mức ưu đãi cao nhất.
- Chính sách ưu đãi khác chỉ áp dụng khi có quyết định bằng văn bản của cấp có thẩm quyền và được thông báo trước khi thực hiện.

2. Chính sách học bổng

Điều kiện	Số suất	Mức học bổng
Học sinh lớp 5 lên lớp 6 đạt Flyers 15 Shields	03	01 tháng học phí
Học sinh THCS đạt IELTS 4.0	03	01 tháng học phí
Học sinh THPT đạt IELTS 5.0	03	01 tháng học phí
Học sinh đạt giải Nhất, Nhì hoặc Ba cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	05	01 tháng học phí

Kết quả thực hiện chính sách ưu đãi, miễn giảm, hỗ trợ và học bổng trong năm học: số học sinh 43; tổng số tiền 192.500.000 đồng.

IV. THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Thời gian thanh toán

- Theo tháng: chậm nhất ngày 25 của tháng trước.
- Theo học kỳ hoặc cả 09 tháng: thực hiện trên cơ sở phụ huynh tự nguyện; thời hạn và mức ưu đãi từ 3% đến 8% theo thông báo/phiếu đăng ký đã được nhà trường phê duyệt.
- Nhà trường gửi thông báo các khoản phải thanh toán của tháng tiếp theo trước hoặc trong ngày 20 của tháng trước.

2. Phương thức thanh toán

- Tiền mặt, thẻ ATM hoặc VISA tại Bộ phận Tư vấn – Kế toán. Thời gian: từ thứ Hai đến sáng thứ Bảy; sáng 07 giờ 00–11 giờ 00, chiều 13 giờ 00–17 giờ 30. Không thu vào chiều thứ Bảy, Chủ nhật và ngày nghỉ lễ, Tết.
- Chuyển khoản theo thông tin sau:

Nội dung	Thông tin
Tên tài khoản	TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT QUỐC TẾ HÒA BÌNH
Số tài khoản	0111000559955
Ngân hàng	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ

Khi chuyển khoản, phụ huynh ghi đầy đủ họ tên học sinh, lớp và nội dung thanh toán.

V. XỬ LÝ TRƯỜNG HỢP CHẬM THANH TOÁN

- Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo mà chưa nhận được khoản phí hoặc phản hồi, nhà trường nhắc thanh toán qua tin nhắn, điện thoại hoặc thư điện tử.
- Sau 05 ngày làm việc tiếp theo, nếu chưa hoàn thành hoặc chưa có cam kết được chấp thuận, nhà trường gửi thông báo bằng văn bản và xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán.
- Việc thu hồi công nợ được thực hiện theo thỏa thuận và quy định pháp luật; nhà trường không giữ hồ sơ, học bạ hoặc bằng điểm của học sinh để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán.

- Dịch vụ tự nguyện có thể tạm dừng sau khi đã thông báo, phù hợp với thỏa thuận cung cấp dịch vụ; việc này không làm ảnh hưởng quyền tiếp cận hồ sơ học tập của học sinh.

VI. QUY ĐỊNH VỀ HOÀN TRẢ, BẢO LƯU VÀ CHUYỂN ĐỔI CÁC LOẠI PHÍ

1. Trường hợp được xem xét

- Gia đình chuyển nơi sinh sống hoặc công tác đến tỉnh, thành phố hoặc quốc gia khác, làm cho học sinh không thể tiếp tục học tại trường.
- Học sinh mắc bệnh phải điều trị liên tục từ 30 ngày trở lên và không thể tiếp tục học tại trường, có hồ sơ y tế hợp lệ.
- Học sinh đi học ở nước ngoài hoặc trường hợp đặc biệt khác được Hiệu trưởng xem xét bằng văn bản.

2. Nguyên tắc và mức hoàn

Khoản phí	Mức/nguyên tắc hoàn	Điều kiện và cách tính
Học phí	Hoàn 80% phần học phí đã đóng nhưng chưa sử dụng	Tính từ tháng liền kề sau thời điểm việc dừng học có hiệu lực; không hoàn phần học phí của thời gian đã học.
Phí ăn	Hoàn hoặc cân trừ 100% phần chưa sử dụng	Đơn xin nghỉ/hủy suất ăn phải được gửi và chấp thuận trước 11 giờ 00 của ngày làm việc liền trước ngày nghỉ.
Phí nội trú, xe đưa đón và dịch vụ khác	Theo phần dịch vụ chưa sử dụng và chi phí thực tế đã phát sinh	Thực hiện theo thỏa thuận dịch vụ và xác nhận của bộ phận phụ trách.
Khoản thu một lần đầu năm	Các khoản thu này chỉ đóng 1 lần trong 1 năm học và sẽ không được hoàn lại	Bộ phận kế toán đối chiếu thỏa thuận tuyển sinh, chi phí đã phát sinh và quyết định phê duyệt.

3. Hồ sơ và thời hạn giải quyết

- Đơn đề nghị dừng học/hoàn phí theo mẫu của trường, nộp trong vòng 30 ngày kể từ ngày học sinh nghỉ học.
- Tài liệu chứng minh: quyết định điều chuyển công tác hoặc giấy tờ về nơi cư trú mới; thư tiếp nhận của trường chuyển đến; hồ sơ y tế; hoặc giấy tờ liên quan khác.
- Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và hoàn tất đối chiếu công nợ, nhà trường thông báo kết quả và thực hiện hoàn/cân trừ khoản phí được duyệt.

Việc giải quyết nghĩa vụ tài chính được thực hiện độc lập với việc trả hồ sơ, học bạ và bảng điểm của học sinh theo quy định.

VII. TỔ CHỨC CÔNG KHAI VÀ THỰC HIỆN

- Thông báo này được công khai trên trang thông tin điện tử www.school.peace.edu.vn và phổ biến đến cha mẹ học sinh trước khi thực hiện thu.

- Mọi điều chỉnh mức thu phải được phê duyệt bằng văn bản và công khai trước khi áp dụng; không thu khoản chưa được xác định mức thu hoặc chưa được thông báo theo quy định.
- Thông tin liên hệ công vụ: 0292.246.8.246; 0292.6.559.955; thư điện tử school@peace.edu.vn.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Lãnh đạo trường (để thực hiện);
- Website trường (để công khai);
- Lưu: VT, VP.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thành